

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngô Thị Út Hậu
2. Bà Lê Thị Thu Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Kim P**, sinh năm 1994. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

**- Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn Út N**, sinh năm 1987. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 219, khu vực L, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lê Thị Kim P trình bày:* Vào năm 2019, chị và anh Nguyễn Văn Út N do tự quen biết nên tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng đến ngày 08/4/2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống, thường bất hòa về tình cảm gia đình nên hay cãi nhau. Anh chị đã cố gắng hàn gắn lại tình cảm gia đình nhưng không có kết quả. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án*, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Út N nhưng anh N vắng mặt nhiều lần không rõ lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị Kim P và anh Nguyễn Văn Út N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên chị P khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhưng anh N vắng mặt nhiều lần không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị P và anh N chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2019, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị P cho rằng khoảng hai năm gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất nhau về nơi ở của vợ chồng, thường bất hòa về tình cảm gia đình, anh N không quan tâm gia đình nên cuộc sống không hạnh phúc. Anh chị đã cố gắng hàn gắn lại tình cảm gia đình nhưng không có kết quả, sau đó anh N đi làm ăn xa nên anh chị đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không còn quan tâm gì đến nhau. Do thời gian ly thân đã lâu, chị P đã không còn tình cảm với anh N nên anh yêu cầu được ly hôn với anh N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc triệu tập anh N đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa và có ý kiến đối với hôn nhân của mình nhưng phía anh N nhiều lần vắng mặt không rõ lý do. Điều đó cho thấy anh N đã không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Ghi nhận ý kiến của chị P về việc không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh N vắng mặt nên chưa xác định được phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung của chị P và anh N. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim P được ly hôn anh Nguyễn Văn Út N.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim P phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai thu số 0003378 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô sang thành tiền án phí (công nhận chị P đã nộp xong).

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THADS Q. Ô;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

**Lê Thị Thúy Hằng**